

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HC-PT

Ngày: 29/01/2021

V/v “*Khiếu kiện Hành vi hành chính về
kiểm tra, thu giữ lâm sản và yêu cầu
bồi thường thiệt hại*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liễu.

Các thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Bính, bà Phan Thị Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Thư ký TAND tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án Hành chính phúc thẩm thụ lý số 01/2020/TLPT - HC ngày 20/10/2020 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính về kiểm tra thu giữ lâm sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC – ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2020/QĐ - PT ngày 18 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lê Thị H, sinh năm 1976 (*Có mặt*);

Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Ông Nguyễn Ngọc T – Luật sư Công ty Luật Ngọc Tấn thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (*Có mặt*)

Ông: Lê Quang T - Luật sư Công ty Luật Ngọc Tấn thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (*Vắng mặt*)

Đều cùng địa chỉ: Phòng 404, Đơn nguyên 1 - Tòa nhà Handiresco, số 31 L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu;

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Tổng Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Công H – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lai Châu (Có mặt);

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông: Lê Văn H (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu

4. *Người làm chứng:*

- Ông: Tống Văn V - Nguyên Phó chủ tịch UBND xã Mường Tè

- Ông: Tống Văn N - Phó chủ tịch UBND xã Mường Tè.

Đều cùng địa chỉ: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu;

- Ông: Sầm Văn Tr - Kiểm lâm viên.

- Ông: Pờ Chà M - Kiểm lâm viên

- Ông: Vũ Quang T - Kiểm lâm viên.

Đều cùng địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu

(Các ông V, N, Tr, M, T đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Lý Văn Thê - Chỉ huy trưởng quân sự xã Mường Tè. (Có mặt)

5. *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Hương.

6. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Lê Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Ngày 25/6/2016, bà ký hợp đồng mua lâm sản phụ ngoài gỗ dây máu chó (Dây huyết đằng) của bà con tại bản H, xã N, huyện M, tỉnh Lai Châu. Sau khi mua hàng do số lượng nhiều nên không thể đem đi tiêu thụ hết được, còn lại 05 tấn hàng bà lập hợp đồng gửi hàng số 01/2016 ngày 8/8/2016 với ông Lê Văn H, ở bản N, xã M thuê ông H trông nom, bảo quản số hàng trên. Ngày 07/10/2016 tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã M(UBND) có các ông Tống Văn V; Sầm Văn Tr; Pờ Chà M đến kiểm tra lập biên bản tạm giữ số lâm sản theo thủ tục hành chính. Ngày 10/10/2016 bà và ông H làm đơn trình báo đến UBND huyện, Công an và Chi cục kiểm lâm huyện nhưng không được giải quyết, bà cho rằng hành vi thu giữ số lâm sản trên của UBND xã M là trái pháp luật. Do vậy bà yêu cầu buộc UBND xã M trả lại 05 tấn dây máu chó với giá trị 10.000.000 đồng.

Ngày 21/01/2018 bà ký hợp đồng mua lâm sản phụ ngoài gỗ là dây máu chó, củ ba mươi, củ khúc khắc tại bản H, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, ngày 23/01/2018 bà vận chuyển hàng đi sơ chế, chế biến và tiêu thụ, khi đến xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu thì UBND xã M gồm các ông: Lý Văn P, ông Tống Văn N, ông Vũ Quang T, ông Lý Văn T và một số dân quân xã đến kiểm tra rồi lập biên

bản thu giữ 26 tấn hàng lâm sản có giá trị là 320.000.000 đồng trên xe ô tô biển kiểm soát 29C - 43828, rơ moóc 29R - 03715. Ngày 30/4/2018 UBND xã M mời bà lên làm việc và thỏa thuận bồi thường cho bà 170.000.000 đồng giá trị số hàng lâm sản bị hỏng và bà đã nhận đủ số tiền trên, tuy nhiên bà không đồng ý với lý do số tiền bồi thường không tương xứng so với khối lượng lâm sản bị hỏng có giá trị là 320.000.000 đồng. Bà cho rằng hành vi thu giữ hàng lâm sản của UBND xã M là trái pháp luật đã gây ra thiệt hại cho bà. Do vậy bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án huyện tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND xã M là trái pháp luật và yêu cầu Chủ tịch UBND xã M bồi thường thiệt hại thêm số tiền 150.000.000 đồng; tiền thuê xe theo hợp đồng là 135.000.000 đồng; Tiền lương thuê lái xe là 30.000.000 đồng.

Bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của người bị kiện trình bày:

Việc kiểm tra lâm sản ngoài gỗ năm 2016: Thực hiện kế hoạch số: 18/KH-UBND, ngày 30/12/2015 của UBND xã M về “Kiểm tra, kiểm soát, truy quét, ngăn chặn kịp thời các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hành vi khai thác, mua bán, vận chuyển, chế biến, kinh doanh, cất giữ lâm sản ngoài gỗ trái quy định của pháp luật trên địa bàn xã M”, ngày 07/10/2016 UBND xã M nhận được tin báo của bà con nhân dân bản N về việc thu gom dây máu chó tại nhà ông Lê Văn H ở bản N. UBND xã M cử tổ công tác gồm có các ông Tống Văn V, Sầm Văn Tr, Pờ Chà M, Lò Văn N đến kiểm tra, xác minh. Quá trình làm việc ông H không hợp tác, không xuất trình được hồ sơ lâm sản, tổ công tác báo cáo, đề xuất với Chủ tịch UBND xã ra quyết định số: 94a/QĐ-TGTVPTGPCC về việc “Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính với lý do số lâm sản ngoài gỗ có trọng lượng là 3.000 kg có dấu hiệu cất giữ trái với các quy định của nhà nước, thời hạn tạm giữ là 07 ngày (Kể từ ngày 7/10/2016 đến ngày 14/10/2016 tại trụ sở UBND xã Mường Tè). Đến ngày 21/10/2016 Chủ tịch UBND xã M ra quyết định số: 97b/QĐ-TGTVPTGPCC về việc kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật với lý do chưa xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, thời hạn kéo dài là 23 ngày kèm theo Thông báo số: 10b, 11b, 11c/TB-UBND (Thông báo lần I,II,III), về việc: Tạm giữ tang vật (Lâm sản ngoài gỗ) cả ba lần thông báo đều được niêm yết tại trụ sở UBND xã và nhà văn hóa 8/8 bản trong xã để tìm chủ sở hữu hợp pháp của số lâm sản trên. Ngày 07/11/2016 Chủ tịch UBND xã M ra quyết định số: 122a/QĐ-TTTPVPT và lập biên bản số 01/BB-TTTPVVP về việc tịch thu tang vật không xác định được chủ sở hữu, người quản lý, người sử dụng hợp pháp. Ngày 07/11/2016 Chủ tịch UBND xã M ra Quyết định số: 103b/QĐ-TLHĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng và Quyết định số: 104b/QĐ-THTV về việc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; Biên bản số: 01/BB-THTVVP về việc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính đối với dây máu chó có trọng

lượng là 3.000 kg thu giữ tại nhà ông Lê Văn H ở bản N, xã M, huyện M, được UBND xã M kiểm tra ngày 07/10/2016 do không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc lâm sản, không xác định được chủ sở hữu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Việc kiểm tra lâm sản ngoài gỗ năm 2018: Ngày 23/01/2018, UBND xã M nhận được nguồn tin báo của bà con nhân dân bản N về việc có hai xe tải đang gom hàng lâm sản ngoài gỗ dây máu chó tại mặt bằng cách cổng nông thôn mới xã Mường Tè khoảng 60 - 70m, Tổ kiểm tra của UBND xã gồm có các ông: Lý Văn P, Tống Văn N, Vũ Quang T, Lý Văn T và một số Công an viên, dân quân xã đến kiểm tra chiếc xe ô tô biển kiểm soát 29C - 43828, rơ moóc 29R - 03715 trên xe có chở lâm sản ngoài gỗ bao gồm: Dây huyết đằng, củ khúc khắc, củ ba mươi. Tổ công tác yêu cầu lái xe là ông Nguyễn Văn T xuất trình giấy tờ nhưng lái xe không xuất trình được giấy tờ gì và cho biết chỉ là người lái thuê, chủ hàng là bà Lê Thị H. Tổ công tác lập biên bản yêu cầu lái xe tạm dừng vận chuyển nhưng lái xe không hợp tác và bỏ đi. Khoảng 03 giờ sau bà H chủ hàng lâm sản đến, tổ công tác yêu cầu xuất trình giấy tờ nhưng bà H không xuất trình được loại giấy tờ, hồ sơ gì. Ngày 24/01/2018, UBND xã, Kiểm lâm địa bàn xã, Cán bộ Đoàn Công an P tiếp tục làm việc với bà H. Trong quá trình làm việc bà H không xuất trình được giấy tờ để chứng minh nguồn gốc lâm sản ngoài gỗ trên, nhận thấy số lâm sản ngoài gỗ trên chiếc xe ô tô biển kiểm soát 29C - 43828, rơ moóc 29R - 03715 có dấu hiệu vi phạm hành chính nên tổ công tác lập biên bản tạm giữ và hẹn bà H ngày 30/01/2018 đến UBND xã để làm việc, đến ngày hẹn bà H vắng mặt với nhiều lý do không có mặt để giải quyết vụ việc. Ngày 09/02/2018 bà H đến UBND xã làm việc và xuất trình 01 bộ hồ sơ khai thác lâm sản thô công chứng, nhận thấy hồ sơ chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Thông tư số: 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ nông nghiệp phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản. UBND xã yêu cầu bà H xuất trình bản chính hồ sơ gốc theo quy định, bà H không cung cấp được. Ngày 12/02/2018 bà H đến UBND xã làm việc và xuất trình 01 bộ hồ sơ khai thác lâm sản gốc trên xe ô tô biển kiểm soát 29C - 43828, rơ moóc 29R - 03715, nhận thấy hồ sơ cơ bản đảm bảo theo quy định tại Thông tư số: 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ nông nghiệp phát triển nông thôn quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản. Tại buổi làm việc UBND xã và bà H nhận thấy số lâm sản trên chiếc xe ô tô biển kiểm soát 29C-43828, rơ moóc 29R - 03715 có hiện tượng bị ẩm mốc, do để lâu ngày dễ hư hỏng. UBND xã và bà H thống nhất cân lâm sản để xác định trọng lượng số lâm sản bị hỏng và số lâm sản còn lại được ghi nhận tại biên bản làm việc ngày 12/02/2018 bao gồm: Dây huyết đằng là 11.200 kg; củ khúc khắc là 1.830 kg; củ ba mươi là 4.900 kg có tổng khối lượng là 17.930 kg. Toàn bộ số lâm sản này được bốc lên xe ô tô biển kiểm soát 29C-43828, rơ moóc 29R-03715 trả lại cho bà H. Sau khi nhận lại số lâm sản này bà H không có ý kiến gì, việc bà H đem hàng lâm sản đi đâu, làm gì thì UBND xã không biết và

không can thiệp. Đối với số hàng lâm sản bị hỏng vào ngày 04/4/2018 UBND xã và bà H lập biên bản thống nhất giải quyết đền bù với số tiền là 170.000.000 đồng, bà H đã nhận đủ số tiền đền bù.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H trình bày: Ông không có mối quan hệ gì với bà H, chỉ là quan hệ quen biết, ngày 08/8/2016 bà H có thuê ông trông coi hàng lâm sản ngoài gỗ là dây máu chó khoảng 5 tấn, thời hạn trông coi là 03 tháng, giá thuê là 2.000.000 đồng/ tháng ở tại nhà ông, giữa hai bên có lập hợp đồng kinh tế số: 01/2016/HĐKT, ngày 8/8/2016. Đến ngày 07/10/2016 thì có đoàn kiểm tra của UBND xã M đến làm việc và lập biên bản thu giữ toàn bộ số lâm sản về trụ sở UBND xã, khi sự việc xảy ra ông đã báo lại với bà H. Đồng thời cùng bà H đến UBND xã để làm việc và làm đơn trình báo về việc mất trộm dây máu chó đến UBND huyện M, Công an huyện M, Kiểm lâm huyện M xem xét giải quyết. Trong quá trình làm việc với cơ quan chức năng và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa ông thừa nhận chỉ là người trông coi thuê cho bà H, về nguồn gốc, hồ sơ, giấy tờ lâm sản hợp pháp, địa điểm khai thác, phương thức vận chuyển lâm sản là do bà H thực hiện, ông không biết nguồn gốc từ đâu, việc UBND xã M xử lý vụ việc như thế nào ông không có ý kiến gì.

Những người làm chứng:

Ông Tống Văn V, Sầm Văn Tr và ông Pờ Chà M trình bày: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã xác định được có dấu hiệu hành vi vi phạm hành chính của ông Lê Văn H là cất giữ lâm sản trái với các quy định của Nhà nước, tổ công tác đã tiến hành các thủ tục để xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản quy định “*Chủ nơi cất giữ và chủ lâm sản phải chấp hành các yêu cầu của công chức kiểm lâm; xuất trình ngay hồ sơ lâm sản đang được cất giữ theo quy định tại Thông tư này*”. Từ ngày 07/10/2016 đến ngày 07/11/2016 ông H trốn tránh, không hợp tác, không xuất trình được hồ sơ lâm sản hợp pháp, nhận thấy có dấu hiệu vi phạm trong việc cất giữ lâm sản trái với quy định của nhà nước. Tổ công tác tham mưu cho UBND xã xử lý tang vật vi phạm đối với 3.000 kg dây máu chó liên quan đến vụ việc do không xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp, là loại lâm sản còn tươi, không thuộc nhóm IA, khó bảo quản, có hiện tượng bị ẩm mốc, nếu để lâu ngày dễ hư hỏng bằng hình thức tịch thu tiêu hủy là có căn cứ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Việc giải quyết khiếu nại: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 07/10/2016 đến ngày 07/11/2016. Chủ tịch UBND xã đã ra Thông báo 03 lần về việc thu giữ lâm sản để tìm chủ sở hữu, người quản lý, người sử dụng hợp pháp theo quy định

của pháp luật nhưng bà H và ông H cố tình trốn tránh, không hợp tác; UBND xã không nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh gì từ phía bà H và ông H.

Ông Tổng Văn N, Vũ Quang T, Lý Văn T trình bày: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhận thấy số lâm sản ngoài gỗ trên chiếc xe ô tô biển kiểm soát 29C-43828, rơ moóc 29R-03715 có dấu hiệu vi phạm hành chính, nên tổ công tác yêu cầu lái xe xuất trình giấy tờ nhưng lái xe không xuất trình được giấy tờ gì và cho biết chỉ là người lái thuê, chủ hàng là bà Lê Thị H. Tổ công tác lập biên bản yêu cầu lái xe tạm dừng vận chuyển nhưng lái xe không hợp tác và bỏ đi, khoảng 03 giờ sau có bà Lê Thị H đến nhận mình là chủ hàng lâm sản ngoài gỗ trên xe và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của giấy tờ cũng như toàn bộ số lâm sản ngoài gỗ trên xe, tổ công tác yêu cầu bà H xuất trình giấy tờ nhưng bà H không xuất trình được loại giấy tờ, hồ sơ gì. Tại thời điểm kiểm tra ngày 24/01/2018 bản thân các ông cũng chưa biết rõ nguồn gốc số lâm sản này, nhận thấy trường hợp của bà H vượt quá thẩm quyền nên tổ công tác đã trực tiếp báo cáo Chủ tịch UBND xã xem xét quyết định, Chủ tịch UBND xã đã điện thoại trực tiếp báo cáo với Chủ tịch UBND huyện M. Tại biên bản làm việc ngày 24/01/2018 ghi nhận ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo huyện M *“Nếu số lâm sản trên có nguồn gốc hợp pháp thì giải quyết cho chuyển, nếu không có thủ tục giấy tờ thì tạm giữ chờ điều tra theo quy định”*. Sau khi có ý kiến về việc xử lý của cấp trên, UBND xã đã lập biên bản kiểm tra và tạm giữ số lâm sản ngoài gỗ trên chiếc xe ô tô biển kiểm soát 29C-43828, rơ moóc 29R-03715 để xác minh, làm rõ tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử lý và hẹn bà H ngày 30/01/2018 đến UBND xã để làm việc. Đến ngày hẹn bà H vắng mặt với nhiều lý do không có mặt để giải quyết vụ việc, cho đến ngày 09/02/2018 bà H đến UBND xã làm việc và xuất trình 01 bộ hồ sơ khai thác lâm sản thô công chứng, nhận thấy hồ sơ chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Thông tư số: 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ nông nghiệp phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản. UBND xã yêu cầu bà H xuất trình bản chính hồ sơ gốc theo quy định, bà H không cung cấp, xuất trình được. Ngày 12/02/2018 bà H đến UBND xã làm việc và xuất trình 01 bộ hồ sơ khai thác lâm sản gốc trên xe ô tô biển kiểm soát 29C-43828, rơ moóc 29R-03715 bao gồm: 01(Một) đơn xin khai thác; 01(Một) giấy ủy quyền bảo quản, sơ chế, vận chuyển, tiêu thụ lâm sản; 01(Một) sơ đồ khai thác lâm sản ngoài gỗ; 01(Một) bảng danh sách các hộ đăng ký khai thác lâm sản ngoài gỗ; 01(Một) đơn xin xác nhận; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cộng đồng dân cư bản Huổi Meo, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Nhận thấy hồ sơ cơ bản đảm bảo theo quy định tại Thông tư số: 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ nông nghiệp phát triển nông thôn quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản. Tại buổi làm việc UBND xã và bà H nhận thấy số lâm sản trên chiếc xe ô tô biển kiểm soát 29C-43828, rơ moóc 29R-03715 có hiện tượng bị ẩm mốc, do để lâu ngày dễ hư hỏng. UBND xã và bà H

thống nhất cân lâm sản để xác định trọng lượng số lâm sản bị hỏng và số lâm sản còn lại được ghi nhận tại biên bản làm việc ngày 12/02/2018 bao gồm: Dây huyết đằng là 11.200 kg; củ khúc khắc là 1.830 kg; củ ba mươi là 4.900 kg có tổng khối lượng là 17.930 kg. Toàn bộ số lâm sản này được bốc lên xe ô tô biển kiểm soát 29C-43828, rơ moóc 29R-03715 trả lại cho bà H. Sau khi nhận lại số lâm sản này bà Hường không có ý kiến gì, việc bà H đem hàng lâm sản đi đâu, làm gì thì UBND xã không biết và không can thiệp. Đối với số hàng lâm sản bị hỏng ngày 04/4/2018 UBND xã và bà H lập biên bản thống nhất giải quyết đền bù với số tiền là 170.000.000 đồng, bà H đã nhận đủ số tiền đền bù và cam kết không khiếu nại gì.

Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC – ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Lai Châu đã quyết định:

Áp dụng Điều 7; khoản 1 Điều 31; Điều 79 ; Điều 115; Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính. Khoản 1 Điều 38; Điều 58; khoản 3 Điều 60; Điều 66; Điều 125; Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm g khoản 3 Điều 38 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; Điều 13 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016; khoản 2, khoản 5 Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 9 Thông tư số: 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Điều 7; Điều 12 và Điều 13 Nghị định 115/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 Nghị định của chính phủ. Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: *Xử:*

1. Đình chỉ việc giải quyết đối với nội dung khởi kiện của bà Lê Thị H về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân xã M trả lại 05 tấn dây máu chó với giá trị là 10.000.000 đồng và tiền chi phí đi lại trong thời gian khiếu nại do hành vi hành chính kiểm tra, thu giữ lâm sản ngoài gỗ ngày 7/10/2016 của Ủy ban nhân dân xã Mường Tè, huyện M.

2. Hành vi hành chính kiểm tra, thu giữ lâm sản ngoài gỗ ngày 23/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu là trái luật.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M bồi thường thiệt hại số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

4. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về yêu cầu bồi thường thiệt hại tiền thuê xe và trả công cho lái xe là 165.000.000 (*Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng*).

5. Ghi nhận số tiền bồi thường 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) giữa người khởi kiện bà Lê Thị H và người bị kiện ông Lý Văn P.

6. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/0002670 ngày 6/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15 tháng 9 năm 2020 bà Lê Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

- Bà H yêu cầu UBND xã M phải bồi thường cho bà số tiền 150.000.000 đồng do hành vi vi phạm pháp luật khiến bà bị thiệt hại. Số tiền này bao gồm tiền hàng hóa, tiền thuê xe và tiền lương của lái xe theo quy định.

- Vụ án dân sự đòi tài sản Tòa án nhân dân huyện M xác định sai mỗi quan hệ pháp luật và xác định sai đối tượng bà khởi kiện bởi vì trong đơn khởi kiện nêu rõ là đơn khởi kiện “*Đòi tài sản*” đây là một vụ án dân sự. Nhưng Tòa án nhân dân huyện M lại cho rằng bà khởi kiện hành vi hành chính để từ đó cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện để đình chỉ vụ án của bà là sai quy định pháp luật bởi khởi kiện “*Đòi tài sản*” không có thời hiệu theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự 2015 do đó không thể đình chỉ vụ án này và yêu cầu UBND xã M phải trả lại cho bà 05 tấn hàng hóa là cây huyết đằng và không trả được hàng thì trả bằng tiền với giá trị tương đương 05 tấn hàng là 10.000.000 đồng theo quy định.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M ra Quyết định kháng nghị số 01/QĐVKs – HC theo hướng sửa phần tuyên về phần án phí của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện M với nội dung:

- Thứ nhất: Tại bản án đã tuyên xử hành vi hành chính kiểm tra, thu giữ lâm sản ngoài gỗ ngày 23/01/2018 của UBND xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu là trái luật. Điều này đồng nghĩa với việc Tòa án đã chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/NQ/-UBTVQH ngày 30/12/2016 thì UBND xã M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chứ không phải người khởi kiện Lê Thị H.

- Thứ hai: Tại bản án đã đình chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (do hết thời hiệu) và bác yêu cầu bồi thường số tiền 150.000.000 đồng khởi kiện không tuyên phần án phí là không đúng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/NQ/-UBTVQH ngày 30/12/2016 bà H phải chịu án phí giá ngạch đối với khoản tiền 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng: Trong vụ án này bà H kháng cáo yêu cầu đòi tài sản năm 2016 thì phải xác định là án dân sự nhưng cấp sơ thẩm lại xác định là án hành chính là không đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 7, 81,95 luật tố tụng hành chính Điều 61 luật xử lý vi phạm hành chính hủy án sơ thẩm để cấp sơ thẩm xét xử lại do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Việc bà H yêu cầu bồi thường thêm 150.000.000 đồng là không có căn cứ do trong suốt quá trình thực hiện kiểm tra thu giữ lâm sản của UBND xã M thì bà H không xuất trình được chứng cứ gì chứng minh nguồn gốc hàng hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều đảm bảo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 01/QĐ – VKS – HC ngày 24/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Lai Châu. Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu bồi thường thêm số tiền 31.500.000 đồng của người khởi kiện Lê Thị H đối với UBND xã Mường Tè bị thiệt hại do thuê xe và lái xe. Đối với yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, xem xét một cách toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày, tranh luận, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về tố tụng:

Người khởi kiện bà Lê Thị H kháng cáo trong thời hạn luật định nên được công nhận là kháng cáo hợp lệ.

Tại cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án đã xác định các ông: Tống Văn V, Tống Văn N, Lý Văn T, Sầm Văn Tr, Pờ Chà M, Vũ Quang T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chưa chính xác, bởi vì: Căn cứ các biên bản lấy lời khai cũng như tài liệu có trong hồ sơ tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, nhận thấy: ông V, ông N, ông T là đại diện cho UBND xã M thực hiện nhiệm vụ của mình khi Chủ tịch xã phân công. Đối với ông Tr, M, T là kiểm lâm viên được cơ quan cử xuống địa bàn xã công tác. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và tham mưu giúp Chủ tịch UBND xã theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy nay Hội đồng xét xử xét thấy cần xác định lại tư cách tham gia tố tụng của các ông Tống Văn V, Tống Văn N, Lý Văn T, Sầm Văn Tr, Pờ Chà M, Vũ Quang T từ tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sang tư cách tố tụng là người làm chứng là

đúng quy định pháp luật. Việc thay đổi tư cách tố tụng này không làm thay đổi bản chất, nội dung vụ án vẫn đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án, nên về nội dung này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Về sự tham gia của đại diện theo pháp luật của người bị kiện, người làm chứng: Điều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị H đề nghị Tòa Phúc thẩm giải quyết 02 vấn đề sau:

Thứ nhất: Bà H yêu cầu UBND xã M phải bồi thường thêm cho bà số tiền 150.000.000 đồng do hành vi vi phạm pháp luật khiến bà bị thiệt hại. Số tiền này bao gồm tiền hàng hóa, tiền thuê xe và tiền lương của lái xe. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kiểm tra lâm sản trên chiếc xe ô tô biển kiểm soát 29C-43828, rơ moóc 29R-03715. Trong thời hạn từ ngày 23/01/2018 đến ngày 12/2/2018, Chủ tịch UBND xã M không ra quyết định tạm giữ, tịch thu tang vật theo thủ tục hành chính theo khoản 4 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính. Không xác định số lượng, trọng lượng; không thực hiện chế độ quản lý, bảo quản, giao, nhận tang vật bị tạm giữ theo thủ tục hành chính là chưa đảm bảo tuân thủ theo thủ tục hành chính theo Điều 7; Điều 12 và Điều 13 Nghị định 115/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của chính phủ. Do vậy hành vi hành chính ngày 23/01/2018 của Chủ tịch UBND xã M trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ là chưa đảm bảo đúng thủ tục trình tự theo quy định của pháp luật, nên UBND xã M và bà H đã thương lượng thống nhất đối với số lâm sản bị hỏng đền bù giá trị bằng tiền là 170.000.000 đồng, bà H đã nhận đủ số tiền trên và đã cùng lập biên bản bàn giao tiền đền bù lâm sản ngoài gỗ bị hỏng vào ngày 30/4/2018 (BL165). Đến ngày 21/11/2019 bà H yêu cầu UBND xã M bồi thường thêm số tiền 150.000.000 đồng, tuy nhiên tại biên bản ngày 12/2/2018 (BL94) UBND xã M và bà H đã thống nhất cân lâm sản ngoài gỗ xác định trọng lượng bao gồm: Dây huyết đằng là 11.200kg; củ khúc khắc là 1.830kg, củ ba mươi là 4.900kg tổng trọng lượng là 17.930kg. Toàn bộ số lâm sản này đã được bốc lên xe ô tô biển kiểm soát 29C-43828, rơ moóc 29R-03715 trả lại cho bà H là đúng theo quy định tại Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính nên không phát sinh bồi thường. Tại phiên tòa, bà H thừa nhận đã nhận đủ số tiền trên, tuy nhiên bà không nhất trí mức bồi thường 170.000.000 đồng đã nhận vì thời điểm đó bà nhận là để giải quyết các công việc trước mắt như trả lương lái xe, trả tiền lãi ngân hàng. Hơn nữa tại biên bản bàn giao tiền đền bù lâm sản ngoài gỗ bị hỏng vào ngày 30/4/2018 (BL165) thể hiện: "...Bên giao tiền có trách nhiệm giao đủ số tiền 170.000.000 đồng là số tiền bồi thường thiệt hại lâm sản ngoài gỗ của Lê Thị H. Bên nhận có trách nhiệm nhận đủ số tiền 170.000.000 đồng ..." Như vậy theo biên bản trên chứng tỏ không có tài liệu nào thể hiện việc bà tạm nhận số tiền 170.000.000 đồng để giải quyết các công việc trước mắt như lời khai bà H. Ngoài ra bà H cũng không cung cấp được tài liệu chứng

minh cho yêu cầu này. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm bà H có cung cấp 01 biên bản thanh lý hợp đồng xe và 01 giấy biên nhận thanh toán tiền cho công ty, nhưng các văn bản đó là thể hiện nội dung thanh toán tiền cho công ty theo hợp đồng thuê xe ngày 10/01/2018 chứ không thể hiện việc bồi thường thêm số tiền 150.000.000 đồng nói trên. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải quyết yêu cầu của bà H về việc buộc UBND xã M bồi thường thêm số tiền 150.000.000 đồng.

Thứ hai: Bà H cho rằng Tòa án nhân dân huyện M xác định sai mối quan hệ pháp luật và xác định sai đối tượng khởi kiện bởi trong đơn khởi kiện đã nêu rõ là khởi kiện “*Đòi tài sản*” đây là vụ án dân sự. Tòa án M cho rằng bà khởi kiện hành vi hành chính và ra đình chỉ vụ án là sai, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/7/2019 của bà Lê Thị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện M giải quyết hành vi hành chính bị kiện: Hành vi kiểm tra và thu giữ lâm sản ngoài gỗ vào các ngày 07/10/2016 và ngày 23/01/2017 đối với dây huyết đằng, củ ba mươi, củ khúc khắc của Chủ tịch UBND xã Mường T (BL106); Tòa án nhân dân huyện M đã ra thông báo thụ lý vụ án ngày 06/8/2019 và xác định quan hệ pháp luật: “*Khiếu kiện hành vi hành chính về kiểm tra lâm sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm tại biên bản lấy lời khai của bà H (BL204) trình bày: Yêu cầu UBND xã M bồi thường thiệt hại 05 tấn dây máu chó (dây huyết đằng) do hành vi trái pháp luật của UBND xã M gây ra thiệt hại. Ngoài ra tại phiên tòa hôm nay bà H yêu cầu bồi thường 05 tấn dây huyết đằng trị giá 10.000.000 đồng là do UBND xã thu không đúng quy định đó là hành vi hành chính. Tòa sơ thẩm xác định hành vi thu giữ lâm sản ngoài gỗ ngày 07/10/2016 của Chủ tịch UBND xã M là hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 3 và Điều 30 luật tố tụng Hành chính. Hành vi hành chính bị kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo khoản 1 Điều 31 luật tố tụng Hành chính là có cơ sở. Đáng lẽ ra hành vi hành chính năm 2016 không liên quan đến hành vi hành chính năm 2018 thì Tòa sơ thẩm nên tách ra thành vụ án khác. Tuy nhiên Tòa sơ thẩm đã giải quyết trong cùng một vụ án là có thiếu sót, nhưng không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án, do đó Tòa sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Tòa sơ thẩm căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 116; khoản 2 Điều 165 Luật tố tụng hành chính đã đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc UBND xã M trả lại 05 tấn dây máu chó với giá trị 10.000.000 đồng do hành vi hành chính kiểm tra thu giữ lâm sản ngoài gỗ ngày 07/10/2016 của UBND xã M, huyện M là có cơ sở. Bởi vì: Ngày 07/10/2016 tổ công tác của UBND Xã M đã tiến hành kiểm tra theo kế hoạch số: 18/KH-UBND, ngày 30/12/2015 của UBND xã M, đã phát hiện tại nhà ông Lê Văn H có 01 đồng dây máu chó và tiến hành thu giữ số hàng hóa trên theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà H và ông H đều thừa nhận sau khi biết được sự việc UBND xã M đến

thu giữ bốc số hàng lâm sản ngoài gỗ trên ông H đã thông báo cho bà H biết sự việc trên và bà H đã làm đơn trình báo ngày 10/10/2016 (BL318) với nội dung “*về việc xin vận chuyển nốt số hàng lâm sản tồn khoảng 27 tấn*”, cùng ngày 10/10/2016 ông H làm đơn trình báo (BL28) “*Về việc mất trộm dây máu chó tại nhà ông*” nhưng UBND huyện, Công an và hạt kiểm lâm huyện M và UBND xã M không nhận được đơn trình báo của ông H. Đơn của bà H đã được UBND huyện M chuyển đến Hạt kiểm lâm huyện M xem xét, giải quyết và đã trả lời bằng văn bản ngày 21 tháng 11 năm 2016. Tại bút lục 307 thể hiện thông báo trả lời đơn đã gửi bưu điện cho bà Lê Thị H vào ngày 24/11/2016. Đến ngày 21/01/2019 bà H nộp đơn khởi kiện khiếu kiện hành vi hành chính yêu cầu bồi thường thiệt hại, vậy tính từ ngày bà H viết đơn là 02 năm 01 tháng 28 ngày, theo khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính quy định: “...thời hiệu khởi kiện hành vi hành chính là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết...”. Quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng mình không nhận được văn bản giải quyết của cơ quan chức năng huyện M là không có căn cứ để chấp nhận và trong thời hạn này bà H không thực hiện quyền khiếu nại tiếp theo, theo quy định của pháp luật. Do vậy bà H đã mất quyền khởi kiện thuộc trường hợp người khởi kiện có quyền khiếu nại, khởi kiện nhưng đã không thực hiện quyền khởi kiện của mình trong thời hạn luật quy định. Do đó bà H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà cho rằng bà Hoàng khởi kiện yêu cầu đòi tài sản năm 2016 nhưng Tòa án nhân dân huyện M xác định sai quan hệ pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Đối với ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bồi thường thêm số tiền 31.500.000 đồng của người khởi kiện Lê Thị H đối với UBND xã M bị thiệt hại do thuê xe và lái xe. Hội đồng xét xử xét thấy tại cấp phúc thẩm bà H có xuất trình 01 biên bản thanh lý hợp đồng xe và 01 giấy biên nhận thanh toán tiền cho công ty, tuy nhiên các văn bản đó là thể hiện nội dung thanh toán tiền cho công ty theo hợp đồng thuê xe ngày 10/01/2018 chứ không thể hiện việc bồi thường thiệt hại. Mặt khác trong hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện việc thu giữ phương tiện (xe ô tô) của bà H, do đó việc đề nghị của Viện kiểm sát là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4]. Đối với Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M: Buộc UBND xã M phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và bà H yêu cầu bồi thường 150.000.000 đồng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng) theo quy định tại Điều 32 của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nội dung kháng nghị theo hướng sửa phần án phí hành chính sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của bản án hành chính sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa sơ thẩm đã thụ lý và xác định đúng quan hệ pháp luật, đánh giá xem xét một cách khách quan toàn diện và

quyết định đình chỉ việc giải quyết đối với nội dung khởi kiện của của bà Lê Thị H về yêu cầu buộc UBND xã M trả lại 05 tấn máu chó với giá trị 10.000.000 đồng do hành vi hành chính kiểm tra, thu giữ lâm sản ngoài gỗ ngày 07/10/ 2016 và bác các yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của hành vi hành chính năm 2018 là có cơ sở. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần bác đơn kháng cáo của bà Lê Thị H.

Tại cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của bà H về việc yêu cầu UBND xã M bồi thường thiệt hại tiền hợp đồng thuê xe và tiền công lái xe tổng số tiền là 165.000.000 đồng, Tuy nhiên Tòa sơ thẩm không tính án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là thiếu sót, nên cần rút kinh nghiệm. Do đó Hội đồng xét xử cần sửa bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc bà H phải chịu là 165.000.000 đồng + 150.000.000 đồng (*yêu cầu bồi thường thêm không được chấp nhận*) = 315.000.000 đồng. Tổng cộng bà Hường phải chịu án phí có giá ngạch là 315.000.000 đồng x 5% = 15.750.000 đồng.

[5]. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà H thừa nhận bà đã nhận đủ số tiền 170.000.000 đồng và ký vào biên bản giao tiền (BL94), nay bà yêu cầu UBND xã bồi thường thêm 150.000.000 đồng mà tại mục 5 của phần quyết định của bản án sơ thẩm ghi nhận số tiền bồi thường 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) giữa người khởi kiện bà Lê Thị H và người bị kiện ông Lý Văn P, xét thấy là không cần thiết, nên về nội dung này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 241, Điều 349/Luật tổ tụng hành chính 2015.

Căn cứ Điều 32, Điều 34 Nghị quyết 326/2016/NQ_UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của bà Lê Thị H.

2. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐVKS-HC của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Lai Châu, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Lai Châu.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc buộc UBND xã M trả lại 5 tấn dây huyết đằng (máu chó) với giá trị 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) do hành vi hành chính kiểm tra, thu giữ lâm sản ngoài gỗ ngày 07/10/2016 của UBND xã M, tỉnh Lai Châu.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc buộc chủ tịch UBND xã M bồi thường thiệt hại thêm số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và bồi thường thiệt hại tiền thuê xe và trả công cho lái xe là 165.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng*)

5. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

- Bà Lê Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm nay được hoàn lại số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2010/0002670 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Lai Châu.

6. Về án phí dân sự có giá ngạch:

Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 15.750.000 đồng (*Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

7. Về án phí phúc thẩm:

Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/0003869 ngày 22/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Lai Châu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (*ngày 29/01/2021*)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND, TAND, chi cục THADS huyện M;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện, NCQLNVLQ;
- Người bảo vệ QLIHPDS;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Liễu

